

Bản án số: 10/2022/DSST

Ngày 12 tháng 5 năm 2022

V/V: "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Hảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Nhân

2. Bà Nguyễn Thị Kiên

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy - Cán bộ
Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng: Ông Lương Văn
Tuấn - Kiểm sát viên

Trong ngày 12 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số 02/2022/TLST-DS ngày 19/01/2022 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐXX-ST ngày 18/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Hán Thị Í, sinh năm 1962, địa chỉ: tổ dân phố 5, thị trấn Nh, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, (có mặt).

* *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1980, địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn Nh, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

+ *Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/01/2022, bản tự khai, quá trình tiến hành tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Hán Thị Í trình bày:* Bà và anh Nguyễn Văn H có quan hệ quen biết, bà bán hàng ăn cạnh công bệnh viện huyện Yên Dũng, anh H có ăn uống ở quán của bà nhiều lần

Ngày 03/11/2020 bà có cho anh H vay số tiền 10.000.000 đồng, khi vay anh H nói là để chăm sóc bố anh H đang điều trị tại Bệnh viện. Anh H có viết

giấy vay tiền và hẹn đến ngày 03/01/2021 thì trả bà, hai bên thỏa thuận lãi suất theo lãi suất Ngân hàng, hết thời hạn trả tiền ngày 03/01/2021, bà có đòi anh H nhiều lần nhưng anh H không trả, anh H cũng chưa trả cho bà đồng tiền lãi nào kể từ khi vay đến nay.

Số tiền bà cho anh H vay là tiền của cá nhân bà không liên quan gì đến chồng, con bà, chồng bà chết năm 2020, chết trước khi bà cho anh H vay tiền, các con bà đã có gia đình riêng, bà sống một mình. Bà chỉ yêu cầu anh H có trách nhiệm trả bà số tiền đã vay, vợ anh H bà không yêu cầu vì bà không cho vợ anh H vay tiền.

Ngày 03/11/2020, bà cho anh H vay số tiền 10.000.000 đồng là duy nhất, ngoài ra bà không cho anh H vay số tiền nào khác. Khi vay anh H là người viết giấy vay, sau đó anh H đưa giấy vay cho bà giữ, khi hết thời hạn vay bà có đến nhà anh H đòi tiền nhiều lần gặp vợ anh H và anh H nhưng anh H đều khất không trả. Vợ anh H còn bảo bà là làm đơn sang Công an vì anh H có tiền án tiền sự, lúc đó bà mới biết anh H vừa đi tù về.

Đối với lời khai của anh H trình bày có vay của bà số tiền 6.000.000 đồng và vay của cháu họ gần nhà bà 3.000.000 đồng, anh H có cầm xe máy và điện thoại là không đúng vì bà không mở hiệu cầm đồ bao giờ, thời gian bà cho anh H vay tiền bà đang bán hàng ăn sáng tại nhà, nhà bà cạnh cổng bệnh viện huyện Yên Dũng. Còn anh H trình bày có vay của cháu họ gần nhà bà 3.000.000 đồng nhưng anh H không biết tên tuổi, địa chỉ, anh H trình bày như vậy cũng sai vì gần nhà bà là hàng xóm, bà không có cháu họ nào sinh sống gần nhà bà. Đối với giấy vay tiền anh H viết ngày 03/11/2020, anh H viết tại nhà bà, khi anh H viết giấy vay tiền xong, anh H đưa cho bà, bà có đưa cho anh H số tiền 10.000.000 đồng. Khi anh H viết giấy vay tiền và bà đưa tiền chỉ có bà và anh H, không có ai biết. Anh H trình bày chữ viết và chữ ký trong giấy vay tiền ngày 03/11/2020 là không phải của anh H, anh H trình bày như vậy là không đúng, bà khẳng định chữ viết và chữ ký trong giấy vay tiền ngày 03/11/2020, anh H viết và ký trước mặt tôi. Còn anh H cho rằng không phải chữ viết và chữ ký của anh H thì anh H đề nghị Tòa án giám định, nếu giám định mà không phải chữ viết và chữ ký của anh H thì bà xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật. Bà không đề nghị Tòa án giám định vì bà khẳng định chữ viết và chữ ký trong giấy vay tiền ngày 03/11/2020 là do anh H viết và ký ra.

Nay bà yêu cầu anh H phải trả tôi số tiền 10.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 03/11/2020 và tiền lãi kể từ ngày viết giấy vay 03/11/2020 đến khi xét xử sơ thẩm theo lãi suất quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bà Í vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày: Bà khẳng định giấy vay tiền ngày 03/11/2020 là do anh H viết và ký trước mặt bà, khi viết và khất xong anh H đưa giấy cho bà, bà đưa tiền cho anh H, đây là lần

duy nhất bà cho anh H vay tiền. Nay bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc anh H phải trả cho bà số tiền 10.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định củ pháp luật kể từ ngày viết giấy vay 03/11/2020.

+ **Tại biên bản lấy lời khai bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:** Anh và bà Í có quan hệ quen biết ngoài xã hội, do bà Í làm dịch vụ cầm đồ chui, không có giấy phép kinh doanh. Anh có cầm cố xe máy chỗ bà Í được 4.000.000 đồng, bà Í cắt lãi ngay 600.000 đồng, chỉ đưa lại cho anh 3.400.000 đồng. Ngoài ra anh còn cầm 01 điện thoại bà Í cắt lãi 300.000 đồng, đưa lại cho anh 1.700.000 đồng. Do điện thoại và xe máy cũ bà Í giữ lại mà đưa cho anh để sử dụng. Thực tế anh chỉ vay của bà Í 6.000.000 đồng. Sau đó anh có cầm điện thoại và giấy phép lái xe ô tô cho anh bên cạnh nhà bà Í (nghe nói là cháu họ bà Í, nhưng anh không biết tên, tuổi), anh cầm được 3.000.000 đồng, nhưng đã cắt lãi 300.000 đồng, anh nhận lại 2.700.000 đồng. Việc cầm cố tài sản nêu trên vào thời gian nào anh không nhớ, sau này anh đã trả tiền cho cháu bên cạnh nhà bà Í số tiền 3.000.000 đồng, trả vào thời gian nào anh cũng không nhớ. Sau này bà Í yêu cầu anh viết giấy nhận nợ bà Í cộng cả số tiền anh vay bà Í và số tiền 3.000.000 đồng anh cầm cố tài sản chỗ cháu bà Í, tổng là 9.000.000 đồng nhưng bà Í bắt anh nhận nợ 10.000.000 đồng, gồm cả nợ gốc và nợ lãi. Anh được xem giấy vay tiền ngày 03/11/2020, anh khẳng định chữ viết và chữ ký trong giấy vay trên bà Í cung cấp không phải là chữ viết và chữ ký của anh, nhưng anh không yêu cầu Tòa án giám định. Anh thừa nhận có vay của bà Í 6.000.000 đồng, bà Í đã cắt lãi 900.000 đồng, thực tế số tiền anh được nhận từ bà Í là 5.100.000 đồng. Bà Í yêu cầu anh trả số tiền 10.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày vay đến nay, anh không đồng ý vì lý do anh chỉ vay bà Í 6.000.000 đồng, anh chỉ đồng ý trả cho bà Í 5.100.000 đồng là tiền anh nhận thực tế của bà Í. Anh vay tiền của bà Í là việc của cá nhân anh với bà Í, mục đích sử dụng cho cá nhân anh không liên quan gì đến vợ và các con anh, vợ và các con anh không được sử dụng số tiền này.

- Tòa án đã mở phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không hòa giải được vì anh H không đến Tòa án làm việc theo thông báo.

- Ngày 29/4/2022, Tòa án mở phiên tòa, nhưng anh H vắng mặt lần thứ nhất không có lý do. Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa.

- Tại phiên tòa hôm nay anh H tiếp tục vắng mặt, Tòa án xét xử vắng mặt anh H.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng phát biểu ý kiến:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, việc chấp

hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Ích buộc anh H phải trả cho bà Í số tiền gốc 10.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền vay kể từ ngày 03/11/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là 1.544.000 đồng; Về án phí: anh H phải chịu án phí theo quy định.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, do vậy Hội đồng xét xử vắng mặt anh H là phù hợp với qui định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp thì thấy: Theo như giấy viết ngày 03/11/2020 thể hiện anh H có vay của bà Í số tiền 10.000.000 đồng, hẹn đến ngày 03/01/2021 sẽ hoàn trả. Hết thời hạn vay bà Í có đòi nhiều lần nhưng anh H không trả. Bà Í nộp đơn khởi kiện ra Tòa án. Đây là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] Đối với yêu cầu anh H phải trả số tiền gốc vay là 10.000.000 đồng theo giấy viết ngày 03/11/2020 thì thấy: Ngày 03/11/2020 anh H có viết giấy vay của bà Í số tiền 10.000.000 đồng, nội dung giấy viết như sau: “*Tên tôi là Nguyễn Văn H, có vay của cô Hán Thị Í số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng chẵn) từ ngày 03/11/2020. Tôi hẹn cô đến ngày 03/01/2021 tôi trả cô đầy đủ số tiền trên. Nếu sai tôi chịu trách nhiệm hoàn toàn với pháp luật*”. Qua nội dung giấy viết trên và trình bày của nguyên đơn có căn cứ xác định anh H vay của bà Í số tiền 10.000.000 đồng. Còn anh H cho rằng anh có vay của bà Í 6.000.000 đồng làm hai lần, một lần 4.000.000 đồng anh có cầm xe một ô, một lần 2.000.000 đồng anh có cầm điện thoại, nhưng anh không nhớ ngày vay. Anh có vay của cháu họ bà Í gần nhà bà Í số tiền 3.000.000 đồng, anh không nhớ ngày vay. Tòa án có yêu cầu anh H cung cấp tài liệu chứng cứ thể hiện việc vay nợ như anh H trình bày, nhưng anh H không cung cấp, anh H cho rằng chữ viết và chữ ký trong giấy vay tiền ngày 03/11/2020 không phải của anh, Tòa án đã yêu cầu anh H nộp đơn yêu cầu giám định, nhưng anh H không yêu cầu giám định. Còn bà Í khẳng định bà Í cho anh H vay duy nhất số tiền 10.000.000 đồng,

khi vay anh H là người viết giấy vay và ký trực tiếp trước mặt bà ngày 03/11/2020. Ngoài những tài liệu chứng cứ bà Í cung cấp cho Tòa án, anh H không có tài liệu chứng cứ gì khác. Do vậy, ý kiến của anh H cho rằng chỉ vay bà Í 6.000.000 đồng là không có căn cứ. Anh H chưa trả được cho bà Í số tiền trên, nay bà Í yêu cầu anh H phải trả số tiền 10.000.000 đồng theo giấy viết ngày 03/11/2020 là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 466, Bộ luật dân sự, do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4.2] Đối với yêu cầu anh H phải trả tiền lãi kể từ ngày viết giấy vay 03/11/2020 đến khi xét xử sơ thẩm theo lãi suất của pháp luật thì thấy: Nội dung giấy vay tiền ngày 03/11/2020, thời hạn trả nợ là ngày 03/01/2021, các bên không ghi lãi suất. Mặc dù, bà Í cho rằng hai bên có thỏa thuận lãi suất theo lãi suất Ngân hàng, từ ngày vay anh H chưa trả cho được đồng tiền lãi và tiền gốc nào, còn anh H cho rằng khi anh vay 4.000.000, bà Í cắt lãi 600.000 đồng, bà Í đưa cho anh 3.400.000 đồng, còn số tiền 2.000.000 đồng anh vay bà Í cắt lãi 300.000 đồng, bà Í đưa cho anh 1.700.000 đồng. Các đương sự trình bày có thỏa thuận lãi nhưng đều không có tài liệu gì thể hiện việc hai bên có thỏa thuận lãi vì giấy vay tiền ngày 03/11/2020 không ghi lãi suất.

Tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự quy định: “Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.”.

Tại điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định như sau: “...Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ. Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả = (nợ gốc chưa trả) x (lãi suất theo thỏa thuận hoặc 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ) x (thời gian vay chưa trả lãi trên nợ gốc).”

Nay bà Ích đề nghị tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày viết giấy vay đến khi xét xử sơ thẩm theo lãi suất quy định của pháp luật là phù hợp với khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Ích.

Lãi suất được áp dụng là 10%/năm, từ ngày 03/11/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 12/5/2022 là 01 năm 06 tháng 8 ngày.

Vậy số tiền lãi được tính là $(10.000.000 \text{ đồng} \times 10\% \times 01 \text{ năm}) + (10.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 06 \text{ tháng}) + (10.000.000 \text{ đồng} \times 0,027\% \times 8 \text{ ngày}) = 1.519.600 \text{ đồng}$.

[4.3] Về án phí: Yêu cầu của bà Í được chấp nhận, do vậy anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 357, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Xử:

2.1. Buộc anh Nguyễn Văn H phải trả cho bà Hán Thị Í số tiền 11.519.600 đồng (Mười một triệu năm trăm mười chín nghìn sáu trăm đồng), trong đó tiền gốc là 10.000.000 đồng, tiền lãi là 1.519.600 đồng theo giấy vay tiền ngày 03/11/2020.

2.2. Án phí: Anh Nguyễn Văn H phải chịu 575.980 đồng án phí DSST.

2.3. Nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày kể tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án,

quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Dũng
- CCTHADS huyện Yên Dũng
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Ngô Thị Thanh Hảo